

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2024/DS-PT

Ngày: 22-5-2024

V/v “Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường.

Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 541/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2023/DS-ST, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 207/2024/QĐ-PT, ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1980, cư trú tại: Ấp G, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Đặng Thị Tuyết M: Anh Trần Hoàng N, sinh năm 1988, cư trú tại: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Trần Ngọc T, sinh năm 1972, cư trú tại: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Chị Đặng Thị Tuyết M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Đặng Thị Tuyết M trình bày:

Do có quan hệ quen biết với bà Trần Thị C nên chị M có tham gia chơi hội do bà C làm chủ thảo, đây hội 3.000.000 đồng/tháng khai ngày 08-02-2020, gồm 25 phần, chị M tham gia 03 phần, số thứ tự 21, 24, 25, trong giấy hội ghi tên M. Chị M góp hội được 16 tháng, đến tháng thứ 17 thì chị trúng hội vào ngày 08-6-2021, giá trúng hội là 1.200.000 đồng, trúng hội được số tiền: 1.800.000 đồng x 8 phần sống + 3.000.000 đồng x 16 phần chết = 62.400.000 đồng. Sau khi trừ thảo 1.000.000 đồng, còn lại 61.400.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi chị M, trúng hội thì bà C không đăng hội cho chị, đến tháng 7-2021, bà C tuyên bố bế hội. Sau đó, bà C có ghi giấy chốt nợ với chị số tiền nợ hội là 144.000.000 đồng (tính theo giá hội chết đối với 03 phần hội trên) và đã trả cho chị được số tiền 13.000.000 đồng, còn nợ lại chị số tiền 131.000.000 đồng.

Sau khi bà C bế hội chị M nhiều lần yêu cầu bà C trả tiền hội thì bà C có làm giấy xác nhận nợ tiền hội của chị M, giấy do bà C tự viết giao cho chị M giữ. Bà C có trả được cho chị M 13.000.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 28-11-2021 bà C chết. Chồng của bà C cũng đã chết, hiện bà C chỉ có 01 người con duy nhất là chị Phạm Trần Ngọc T, chị M nhiều lần yêu cầu chị T trả tiền nợ của bà C nhưng chị T không trả. Chị M có đến gặp chị T để nói chuyện thì chị T hứa sẽ xem lại sổ sách rồi chốt nợ với chị M nhưng chị T vẫn không làm, chị M có ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa chị M, chị Võ Thị Thúy L với chị T.

Bà C chết có để lại nhà và quyền sử dụng đất tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cho chị T quản lý, sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M yêu cầu chị T trả số tiền hội mà bà C còn nợ chị M tính theo hội chết tổng cộng là 131.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 28-11-2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, nay chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Chị M yêu cầu tính giá hội theo giá trúng hội trung bình của các lần trúng hội trước đây, cụ thể:

- Ngày 08-02-2020, giá trúng hội là 700.000 đồng, người trúng hội là V (số thứ tự 17);
- Ngày 08-3-2020, giá trúng hội là 800.000 đồng, người trúng hội là T1 (số thứ tự 20);
- Ngày 08-4-2020, giá trúng hội là 900.000 đồng, người trúng hội là T2 + Rồi (số thứ tự 9);
- Ngày 08-5-2020, giá trúng hội là 810.000 đồng, người trúng hội là M1 (số thứ tự 16);
- Ngày 08-6-2020, giá trúng hội là 950.000 đồng, người trúng hội là Lê H (số thứ tự 15);
- Ngày 08-7-2020, giá trúng hội là 970.000 đồng, người trúng hội là 2 Cui (số thứ tự 14);

- Ngày 08-8-2020, giá trúng hội là 790.000 đồng, người trúng hội là 3 Dẫn (số thứ tự 18);
- Ngày 08-9-2020, không rõ giá trúng hội, người trúng hội là L1 (số thứ tự 19);
- Ngày 08-10-2020, giá trúng hội là 1.100.000 đồng, người trúng hội là Thu H1 (số thứ tự 22);
- Ngày 08-11-2020, giá trúng hội là 900.000 đồng, người trúng hội là chị H2 (số thứ tự 01);
- Ngày 08-12-2020, giá trúng hội là 950.000 đồng, người trúng hội là P vợ L2 (số thứ tự 02);
- Ngày 08-01-2021, giá trúng hội là 950.000 đồng, người trúng hội là Liễu E (số thứ tự 03);
- Ngày 08-02-2021, giá trúng hội là 1.150.000 đồng, người trúng hội là Hai R (số thứ tự 04);
- Ngày 08-3-2021, giá trúng hội là 1.250.000 đồng, người trúng hội là O (số thứ tự 06);
- Ngày 08-4-2021, giá trúng hội là 850.000 đồng, người trúng hội là S (số thứ tự 23);
- Ngày 08-5-2021, giá trúng hội là 1.050.000 đồng, người trúng hội là Phụng Bền M2 (số thứ tự 05);
- Ngày 08-6-2021, giá trúng hội là 1.200.000 đồng, người trúng hội là M (số thứ tự 24), lần này bà C không đăng hội cho chị M.

$(700.000đ + 800.000đ + 900.000đ + 810.000đ + 950.000đ + 970.000đ + 790.000đ + 1.100.000đ + 900.000đ + 950.000đ + 950.000đ + 1.150.000đ + 1.250.000đ + 850.000đ + 1.250.000đ) : 15 = 955.000$ đồng.

Nay chị M yêu cầu chị T có trách nhiệm trả cho cho chị M số tiền hội còn nợ là:

$(3.000.000 \text{ đồng} - 955.000 \text{ đồng}) \times 16 \text{ lần} \times 3 \text{ phần} = 98.160.000 \text{ đồng}.$

Chị M đồng ý rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chênh lệch: $131.000.000 \text{ đồng} - 98.160.000 \text{ đồng} = 32.840.000 \text{ đồng}.$

Chị M yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ 98.160.000 đồng, kể từ ngày 08-6-2021 (ngày chốt hội cuối cùng) đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Trần Ngọc T trình bày:

Chị là con ruột của bà Trần Thị C. Bà C bị bệnh tim chết từ đầu năm 2022, cha của chị T cũng đã chết hơn 10 năm nay. Cha mẹ chị chỉ có 01 người con duy nhất là chị, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi cha mẹ chị chết cũng không để lại tài sản gì.

Bà C có làm chủ hội, chị cũng giúp bà C đi gom hội của các hội viên, nhưng gom hội về chị giao hết cho bà C tính toán, chị không biết gì, sau khi bà C chết

sổ sách cũng thất lạc hết. Chị biết chị M có tham gia chơi hụi do bà C làm chủ thảo nhưng chị M tham gia dây hụi nào, đã hốt hay chưa hay bà C có nợ tiền của chị M hay không thì chị không biết.

Nay chị không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị M.

Tại Bản án sơ thẩm số 132/2023/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Tuyết M về “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” đối với chị Phạm Trần Ngọc T về việc trả số tiền 98.160.000 (Chín mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 08-6-2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Tuyết M về việc yêu cầu chị Phạm Trần Ngọc T trả số tiền 32.840.000 (Ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn chị Đặng Thị Tuyết M kháng cáo đối với bản án số 132/2023/DS-ST ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, buộc chị Trần Ngọc T trả số tiền 98.160.00 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị M và người đại diện theo ủy quyền của M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của chị Đặng Thị Tuyết M, thấy rằng:

Căn cứ vào các chứng cứ chị M cung cấp và lời khai của những người làm chứng, có căn cứ xác định chị M có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 08-02-2020, gồm 25 phần do bà C làm chủ thảo.

Bị đơn, chị T cũng thừa nhận việc chị M có tham gia hụi do bà C làm chủ nhưng không thừa nhận việc bà C còn nợ tiền hụi chị M.

Lời khai của người làm chứng là một số người cùng tham gia dây hụi cũng xác nhận việc chị M có tham gia hụi nêu trên, nhưng không biết rõ chị M đã hót hụi hay chưa, cũng không biết rõ tất cả những người tham gia dây hụi là ai và từng kỳ hót hụi như thế nào.

Đối với tài liệu là “giấy nợ” chị M cung cấp cho rằng có chữ viết có nội dung thừa nhận nợ của bà C nhưng tài liệu này không giám định được do không đủ cơ sở để giám định; đoạn ghi âm do chị M cung cấp cho rằng có giọng nói của chị T thừa nhận nợ của bà C nhưng chị T không thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của chị T, chị M cũng không yêu cầu trưng cầu giám định. Chị M không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh có đóng tiền hụi hàng tháng cho bà C cũng như chứng cứ chứng minh số tiền hụi bà C còn nợ của chị số tiền 98.160.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của chị M là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm dân sự: Kháng cáo của chị M không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chị Đặng Thị Tuyết M;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 132/2023/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Tuyết M về “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” đối với chị Phạm Trần Ngọc T về việc trả số tiền 98.160.000 (Chín mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 08-6-2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Tuyết M về việc yêu cầu chị Phạm Trần Ngọc T trả số tiền 32.840.000 (Ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

2. Chi phí giám định: Chị Đặng Thị Tuyết M phải chịu 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng chi phí giám định.

3. Án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Tuyết M phải chịu 4.908.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.822.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026894 ngày 11-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị M còn phải nộp 1.086.000 (Một triệu không trăm tám mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Đặng Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo B lại thu số 0027692 ngày 25-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tx. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS tx. Trảng Bàng ;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Mai